

Số: 128 /QĐ-ĐHKT-CT&CTSV

Hà Nội, ngày 29 tháng 4 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành “Hướng dẫn thực hiện quy định đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên hệ chính quy tại trường Đại học Kiến trúc Hà Nội”

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI

Căn cứ Luật Giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 181-CP ngày 17/9/1969 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập trường Đại học Kiến trúc;

Căn cứ Quyết định số 88/QĐ-BXD ngày 25/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của trường Đại học Kiến trúc Hà Nội;

Căn cứ xác thực văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/05/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Thông tư số 10/2016/TT-BGDĐT ngày 05 tháng 04 năm 2016 về việc ban hành quy chế công tác sinh viên đối với chương trình đào tạo đại học hệ chính quy;

Căn cứ Thông tư số 16/2015/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 08 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của người học được đào tạo trình độ đại học hệ chính quy;

Xét đề nghị của Trường phòng Chính trị & Công tác sinh viên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Hướng dẫn thực hiện quy định đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên hệ chính quy tại trường Đại học Kiến trúc Hà Nội”.

Điều 2. Quyết định này được thực hiện từ học kỳ II năm học 2020 - 2021 và thay thế thay thế quy định đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên hệ chính quy tại Quyết định số 349/QĐ-ĐHKT-CT&CTSV ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Hiệu trưởng Nhà trường ban hành Hướng dẫn thực hiện quy định đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên hệ chính quy tại trường Đại học Kiến trúc Hà Nội.

Điều 3. Trường phòng Chính trị & Công tác sinh viên, phòng Đào tạo, phòng Thanh tra - Khảo thí và ĐBCL, phòng Tài chính - Kế toán; Lãnh đạo các Khoa, Viện Đào tạo và HTQT, Viện Đào tạo mở; Cố vấn học tập; Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên và toàn thể sinh viên hệ chính quy trong toàn trường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (để biết);
- Như điều 3 (để t/hiện);
- Website;
- Lưu: VT, CT&CTSV

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS.KTS: Lê Quân

HƯỚNG DẪN

Thực hiện quy định đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên hệ chính quy tại trường Đại học Kiến trúc Hà Nội

(Ban hành kèm theo Quyết định số 128/QĐ-ĐHKT-CT&CTSV
ngày 29 tháng 4 năm 2021 của Hiệu trưởng trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Văn bản này quy định việc đánh giá kết quả rèn luyện của người học được đào tạo trình độ đại học hệ chính quy (sau đây gọi chung là người học), bao gồm: đánh giá kết quả rèn luyện và khung điểm; phân loại và quy trình đánh giá; tổ chức đánh giá và sử dụng kết quả đánh giá.

2. Văn bản này áp dụng đối với người học được đào tạo trình độ đại học hệ chính quy sau khi trúng tuyển vào trường Đại học Kiến trúc Hà Nội được Nhà trường xếp vào lớp niên chế và hoàn thành ít nhất 01 học kỳ trở lên.

Điều 2. Nguyên tắc đánh giá kết quả rèn luyện của người học

1. Thực hiện nghiêm túc quy trình và các tiêu chí đánh giá được quy định tại quy chế này; đảm bảo khách quan, công khai, công bằng, chính xác.

2. Đảm bảo yếu tố bình đẳng, dân chủ, tôn trọng quyền làm chủ của người được đánh giá.

3. Phối hợp đồng bộ, chặt chẽ các bộ phận, các đơn vị có liên quan trong Nhà trường tham gia công tác đánh giá kết quả rèn luyện của người học.

Điều 3. Nội dung đánh giá và thang điểm

1. Xem xét, đánh giá kết quả rèn luyện của người học là đánh giá ý thức, thái độ của người học theo các mức điểm đạt được trên các mặt:

- Ý thức tham gia học tập;
- Ý thức chấp hành nội quy, quy chế, quy định trong nhà trường;
- Ý thức tham gia các hoạt động chính trị, xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội;
- Ý thức công dân trong quan hệ cộng đồng;

e) Ý thức và kết quả tham gia công tác cán bộ lớp, các đoàn thể, tổ chức khác trong cơ sở giáo dục đại học hoặc người học đạt được thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện.

2. Điểm rèn luyện được đánh giá bằng thang điểm 100.

Chương II

CÁC TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VÀ KHUNG ĐIỂM

Điều 4. Đánh giá về ý thức trong học tập

1. Các tiêu chí để xác định điểm đánh giá:

- a) Ý thức và thái độ trong học tập (điểm quá trình);
- b) Ý thức và thái độ tham gia các câu lạc bộ học thuật, các hoạt động học thuật, hoạt động ngoại khóa, hoạt động nghiên cứu khoa học;
- c) Ý thức và thái độ tham gia các kỳ thi, cuộc thi: sinh viên giỏi, olympic, festival Kiến trúc...;
- d) Tinh thần vượt khó, phấn đấu vươn lên trong học tập;
- e) Kết quả học tập theo từng học kỳ.

2. Khung điểm đánh giá từ 0 đến 20 điểm.

Điều 5. Đánh giá về ý thức chấp hành nội quy, quy chế của Nhà trường

1. Các tiêu chí để xác định điểm đánh giá:

- a) Thực hiện nghiêm túc các nội quy học đường, quy chế của Nhà trường;
- b) Việc tham gia sinh hoạt chính trị chuyên đề và sinh hoạt lớp;
- c) Thực hiện các quy định về học phí, bảo hiểm bắt buộc (bảo hiểm y tế).

2. Khung điểm đánh giá từ 0 đến 25 điểm.

Điều 6. Đánh giá về ý thức tham gia các hoạt động chính trị, xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội

1. Các tiêu chí để xác định điểm đánh giá:

- a) Tham gia các hoạt động phong trào do Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên phát động.
- b) Tham gia lao động công ích, hoạt động tình nguyện, hoạt động xã hội vì cộng đồng phù hợp với năng lực và sức khỏe theo yêu cầu của Nhà trường và địa phương (theo quy định tại Quyết định số 319/QĐ-ĐHKT-CT-CTSV ngày 08/09/2017 của Hiệu trưởng trường Đại học Kiến trúc Hà Nội).
- c) Tham gia tuyên truyền, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội.

2. Khung điểm đánh giá từ 0 đến 25 điểm.

Điều 7. Đánh giá về phẩm chất công dân sinh viên trong quan hệ với cộng đồng

1. Các tiêu chí để xác định điểm đánh giá:

- a) Ý thức chấp hành và tham gia tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong cộng đồng;
- b) Ý thức thực hiện quy chế quản lý sinh viên nội, ngoại trú;
- c) Quan hệ cộng đồng (đối với bạn bè, thầy cô, xã hội).

2. Khung điểm đánh giá từ 0 đến 20 điểm.

Điều 8. Đánh giá về ý thức và kết quả khi tham gia công tác cán bộ lớp, các đoàn thể, tổ chức trong Nhà trường hoặc sinh viên đạt được thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện

1. Các tiêu chí để xác định điểm đánh giá:

- a) Ý thức, tinh thần, thái độ, uy tín và hiệu quả công việc của người học được phân công nhiệm vụ quản lý lớp, các tổ chức Đảng, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên và các tổ chức khác trong Nhà trường;
- b) Kỹ năng tổ chức, quản lý lớp, quản lý các tổ chức Đảng, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên và các tổ chức khác trong Nhà trường;
- c) Hỗ trợ và tham gia tích cực vào các hoạt động chung của lớp, tập thể, khoa và Nhà trường;
- d) Người học đạt được các thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện.

2. Khung điểm đánh giá từ 0 đến 10 điểm.

Chương III

PHÂN LOẠI ĐÁNH GIÁ

VÀ QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN

Điều 9. Phân loại kết quả rèn luyện

1. Kết quả rèn luyện được xếp theo các mức độ: xuất sắc, tốt, khá, trung bình, yếu và kém.

2. Phân loại kết quả rèn luyện:

- a) Từ 90 đến 100 điểm: loại xuất sắc;
- b) Từ 80 đến dưới 90 điểm: loại tốt;
- c) Từ 65 đến dưới 80 điểm: loại khá;
- d) Từ 50 đến dưới 65 điểm: loại trung bình;
- e) Từ 35 đến dưới 50 điểm: loại yếu;

f) Dưới 35 điểm: loại kém.

Điều 10. Phân loại để đánh giá

1. Trong thời gian người học bị kỷ luật mức khiển trách, khi đánh giá kết quả rèn luyện không được vượt quá loại khá (65 điểm).

2. Trong thời gian người học bị kỷ luật mức cảnh cáo, khi đánh giá kết quả rèn luyện không được vượt quá loại trung bình (50 điểm).

3. Người học bị kỷ luật mức đình chỉ học tập không được đánh giá rèn luyện trong thời gian bị đình chỉ.

4. Người học bị kỷ luật mức buộc thôi học không được đánh giá kết quả rèn luyện.

5. Người học hoàn thành chương trình học và tốt nghiệp chậm so với quy định của khóa học thì tiếp tục được đánh giá kết quả rèn luyện trong thời gian đang hoàn thành bổ sung chương trình học và tốt nghiệp, tùy thuộc vào trường hợp cụ thể và kết quả để quy định mức đánh giá rèn luyện tại kỳ bổ sung.

6. Người học khuyết tật, tàn tật, mồ côi cả cha lẫn mẹ hoặc cha hoặc mẹ, hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn có xác nhận của địa phương theo quy định đối với những hoạt động rèn luyện không có khả năng tham gia hoặc đáp ứng yêu cầu chung thì được ưu tiên, động viên, khuyến khích, cộng điểm khi đánh giá kết quả rèn luyện qua sự nỗ lực và tiến bộ của người học tùy thuộc vào đối tượng và hoàn cảnh cụ thể.

7. Người học nghỉ học tạm thời được bảo lưu kết quả rèn luyện sẽ được đánh giá kết quả rèn luyện khi tiếp tục trở lại học tập theo quy định.

8. Người học đồng thời học hai chương trình đào tạo sẽ được đánh giá kết quả rèn luyện tại đơn vị quản lý chương trình thứ nhất và lấy ý kiến nhận xét của đơn vị quản lý chương trình thứ hai làm căn cứ, cơ sở để đánh giá thêm. Trường hợp chương trình thứ nhất đã hoàn thành thì đơn vị quản lý chương trình thứ hai sẽ tiếp tục được đánh giá kết quả rèn luyện của người học.

9. Người học chuyển trường được sự đồng ý của Hiệu trưởng hai cơ sở giáo dục đại học thì được bảo lưu kết quả rèn luyện của cơ sở giáo dục đại học cũ khi học tại cơ sở giáo dục đại học mới và tiếp tục được đánh giá kết quả rèn luyện ở các học kỳ tiếp theo.

Điều 11. Quy trình đánh giá kết quả rèn luyện

Sử dụng phần mềm đánh giá một số tiêu chí trong thang điểm điểm rèn luyện cho sinh viên căn cứ vào kết quả học tập và thực hiện nội quy, quy chế trong Nhà trường.

1. Cố vấn học tập phối hợp với trợ lý sinh viên, thư ký khoa, chi đoàn giáo viên khoa tiến hành chấm điểm rèn luyện cho sinh viên.

2. Cố vấn học tập tổ chức họp lớp (biên bản mẫu kèm theo) để thông qua mức điểm đánh giá rèn luyện của từng sinh viên. Sau đó, xác nhận kết quả (theo mẫu kèm theo) và gửi lên Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện của người học cấp khoa (sau đây gọi tắt là Hội đồng cấp khoa).

3. Hội đồng cấp khoa họp xét, thống nhất, báo cáo Trường khoa thông qua và gửi kết quả lên Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện của người học cấp trường (sau đây gọi tắt là Hội đồng cấp trường).

4. Hội đồng cấp trường họp xét, thống nhất trình Hiệu trưởng xem xét và quyết định công nhận kết quả.

5. Kết quả đánh giá, phân loại rèn luyện của người học được công bố công khai và thông báo cho người học biết trước 01 tháng trước khi ban hành quyết định chính thức.

Chương IV

TỔ CHỨC ĐÁNH GIÁ VÀ SỬ DỤNG KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ

Điều 12. Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện

1. Nhà trường ban hành Quyết định thành lập và chấm dứt Hội đồng đánh giá, công nhận kết quả rèn luyện của người học theo học kỳ và năm học.

2. Hội đồng cấp trường

a) Thẩm quyền thành lập

Hội đồng cấp trường do Hiệu trưởng ký Quyết định thành lập.

b) Thành phần Hội đồng cấp trường bao gồm:

- Chủ tịch Hội đồng: Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng ủy quyền;

- Thường trực Hội đồng: Trưởng phòng Chính trị & Công tác sinh viên;

- Các ủy viên: đại diện Lãnh đạo các khoa, viện, phòng, trung tâm có liên quan, đại diện Đoàn Thanh niên và Hội Sinh viên trường.

c) Nhiệm vụ của Hội đồng cấp trường:

- Tư vấn giúp Hiệu trưởng xem xét, công nhận kết quả rèn luyện của từng học sinh, sinh viên và chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Hiệu trưởng.

- Căn cứ vào các quy định hiện hành, trên cơ sở đề nghị của các Trường khoa, tiến hành xem xét, đánh giá kết quả rèn luyện của từng khoa, đề nghị Hiệu trưởng công nhận.

3. Hội đồng cấp khoa

a) Thẩm quyền thành lập

Hội đồng cấp khoa do Trưởng khoa ký Quyết định thành lập.

b) Thành phần Hội đồng cấp khoa gồm:

- Chủ tịch Hội đồng: Trưởng khoa hoặc Phó trưởng khoa được Trưởng khoa ủy quyền.

- Các ủy viên: Trợ lý công tác sinh viên; cố vấn học tập; đại diện Liên chi đoàn thanh niên; Chi hội hoặc Liên chi Hội sinh viên, Ban cán sự lớp.

c) Nhiệm vụ của Hội đồng cấp khoa:

- Giúp Trưởng khoa xem xét, đánh giá chính xác, công bằng, công khai và dân chủ kết quả rèn luyện của từng người học trong khoa.

- Căn cứ vào các quy định hiện hành, trên cơ sở đề nghị của cố vấn học tập của từng đơn vị lớp học, tiến hành xem xét, đánh giá kết quả rèn luyện của từng lớp, đề nghị Trưởng khoa công nhận.

4. Nhiệm vụ của Đoàn Thanh niên

- Xây dựng và tổ chức các hoạt động phong trào, lao động công ích hàng năm. Có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện và báo cáo kết quả với lãnh đạo Nhà trường.

- Phối hợp với phòng Chính trị & Công tác sinh viên và các khoa tiến hành đánh giá điểm rèn luyện đảm bảo khách quan, công khai, công bằng, chính xác đối với từng sinh viên.

Điều 13. Thời gian đánh giá

1. Việc đánh giá kết quả rèn luyện của người học được tiến hành định kỳ theo kỳ học, năm học và toàn khóa học (có thông báo riêng cho từng đợt).

2. Điểm rèn luyện của học kỳ là tổng điểm đạt được của 5 nội dung đánh giá chi tiết của trường (quy định tại Điều 4,5,6,7,8 của hướng dẫn này).

3. Điểm rèn luyện của năm học là trung bình cộng của điểm rèn luyện các học kỳ của năm học đó.

4. Điểm rèn luyện toàn khóa học là trung bình cộng của điểm rèn luyện các học kỳ chính của khóa học (đối với sinh viên hệ 5 năm là 9 kỳ học; sinh viên của hệ 4,5 năm là 8 kỳ học; những sinh viên thuộc diện học lại, học cải thiện, điểm rèn luyện được cộng vào thời gian học chính thức).

Điều 14. Sử dụng kết quả

1. Kết quả đánh giá rèn luyện của người học được lưu bằng văn bản và hệ thống phần mềm quản lý người học của trường, đồng thời được sử dụng trong các trường hợp sau:

a) Sử dụng để xét các danh hiệu thi đua, khen thưởng:

- Danh hiệu “Thủ khoa tốt nghiệp xuất sắc” cho cá nhân sinh viên có điểm tốt nghiệp đứng đầu khối ngành đào tạo; điểm trung bình chung tích lũy toàn khóa đạt loại giỏi trở lên; có điểm rèn luyện đạt loại 90 điểm trở lên;

- Danh hiệu “Sinh viên giỏi toàn diện trong toàn khóa học” cho cá nhân sinh viên có điểm tốt nghiệp loại giỏi trở lên (có điểm trung bình chung tích lũy lớn hơn hoặc bằng 3.2, hệ điểm 4). Điểm rèn luyện đạt từ 80 điểm trở lên;

- Danh hiệu “Sinh viên có điểm đồ án đạt loại xuất sắc” cho cá nhân sinh viên có điểm đồ án tốt nghiệp loại xuất sắc trở lên (có điểm trung bình chung tích lũy lớn hơn hoặc bằng 9.5, hệ điểm 10). Điểm rèn luyện từ 80 điểm trở lên;

- Danh hiệu “Sinh viên có thành tích trong công tác phong trào” cho cá nhân sinh viên có thành tích trong công tác của đoàn, lớp và các phong trào khác, điểm tốt nghiệp ra trường (điểm trung bình chung tích lũy lớn hơn hoặc bằng 2.5, hệ điểm 4). Điểm rèn luyện từ 90 điểm trở lên.

b) Sử dụng để xếp loại học tập của sinh viên:

- Danh hiệu sinh viên khá: là sinh viên có kết quả học tập và rèn luyện đạt điểm trung bình chung học kỳ lớn hơn hoặc bằng 2.80 và điểm rèn luyện lớn hơn hoặc bằng 65 điểm.

- Danh hiệu sinh viên giỏi: là sinh viên có kết quả học tập và rèn luyện đạt điểm trung bình chung học kỳ lớn hơn hoặc bằng 3.20 và điểm rèn luyện lớn hơn hoặc bằng 80 điểm.

- Danh hiệu sinh viên xuất sắc: là sinh viên có kết quả học tập và rèn luyện đạt điểm trung bình chung học kỳ lớn hơn hoặc bằng 3.60 và điểm rèn luyện lớn hơn hoặc bằng 90 điểm.

Đối các hình thức khen thưởng khác Hiệu trưởng xem xét quyết định đối với từng trường hợp cụ thể.

2. Kết quả đánh giá rèn luyện toàn khóa học của người học làm căn cứ để xét giao đồ án tốt nghiệp, công nhận tốt nghiệp, cụ thể:

Người học có kết quả điểm rèn luyện toàn khóa học lớn hơn, hoặc bằng 50 điểm trở lên (điểm rèn luyện xếp loại trung bình) sẽ được giao đồ án tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp theo quy định.

3. Kết quả đánh giá rèn luyện toàn khóa học được ghi vào bảng điểm kết quả học tập và lưu trong hồ sơ của người học khi tốt nghiệp ra trường.

4. Người học có kết quả điểm rèn luyện yếu, kém trong hai học kỳ liên tiếp thì phải tạm ngừng học ít nhất một học kỳ ở học kỳ tiếp theo và nếu bị xếp loại rèn luyện yếu, kém hai học kỳ liên tiếp lần thứ hai thì sẽ bị buộc thôi học.

5. Điểm rèn luyện dùng để xem xét cho sinh viên lưu trú ở ký túc xá, xét giải quyết việc làm thêm, xét miễn giảm chi phí, dịch vụ và sinh hoạt trong ký túc xá và các ưu tiên khác tùy theo quy định của Nhà trường.

Điều 15. Quyền khiếu nại

Người học có quyền khiếu nại lên các phòng, ban chức năng hoặc Hiệu trưởng nếu thấy việc đánh giá kết quả rèn luyện chưa chính xác. Khi nhận được đơn khiếu nại, trong vòng 7 ngày Nhà trường có trách nhiệm giải quyết, trả lời theo quy định của pháp luật về khiếu nại.

Điều 16. Hiệu lực thi hành

1. Hướng dẫn này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế cho các quy định trước đây về việc đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên hệ chính quy tại Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các đơn vị, cá nhân báo cáo Ban Giám hiệu bằng văn bản (qua phòng Chính trị & Công tác sinh viên) để được xem xét giải quyết.

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS.KTS: Lê Quân

Họ và tên sinh viên: Mã sinh viên: Lớp:

Nội dung đánh giá	Điểm tối đa	Điểm đánh giá của cá nhân SV	Điểm đánh giá của tổ chức	Đơn vị thực hiện đánh giá
I. Tiêu chí 1: Ý thức trong học tập	20			
1. Điểm quá trình của các môn học trong kỳ tính theo thang điểm 10	10			P. Thanh tra, KT&ĐBCL
a. Điểm TBC học kỳ đạt từ 9 đến 10	10			
b. Điểm TBC học kỳ đạt từ 8 đến dưới 9	9			
c. Điểm TBC học kỳ đạt từ 7 đến dưới 8	8			
d. Điểm TBC học kỳ đạt từ 6 đến dưới 7	7			
e. Điểm TBC học kỳ đạt từ 5 đến dưới 6	6			
g. Điểm TBC học kỳ đạt dưới 5	3			
2. Kết quả học tập đạt được của học kỳ	5			P. Thanh tra, KT&ĐBCL
a. Điểm TBC học kỳ > 3.20	5			
b. Điểm TBC học kỳ từ 2.80 đến 3.19	3			
c. Điểm TBC học kỳ từ 2.00 đến 2.79	2			
d. Điểm TBC học kỳ từ 1.20 đến 1.99	1			
e. Điểm TBC học kỳ < 1.20	0			
3. Tham gia các hoạt động NCKH, các câu lạc bộ học thuật, các hoạt động học thuật, hoạt động ngoại khóa, thi viên giỏi, olympic, festival Kiến trúc...	5			Khoa, Viện
II. Tiêu chí 2: Ý thức và kết quả chấp hành nội quy, quy chế của Nhà trường	25			P.CT&CTSV
1. Thực hiện nội quy, quy chế Nhà trường:	9			
a. Chấp hành tốt				
b. Mỗi lần vi phạm trừ 3 điểm				
2. Sinh hoạt chính trị, sinh hoạt lớp:	10			
a. Tham gia đầy đủ				
b. Mỗi lần không tham gia trừ 2 điểm				
3. Đóng học phí, đoàn phí, bảo hiểm y tế:	6			
a. Đúng quy định				
b. Nộp không đúng quy định trừ 3 điểm				
b. Không nộp	0			
III. Tiêu chí 3: Ý thức và kết quả tham gia các hoạt động chính trị, xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao, phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội	25			
1. Trách nhiệm sinh viên với Nhà trường: Sinh viên tham gia hoạt động tình nguyện, hoạt động xã hội và các hoạt động khác do Trường, Đoàn thanh niên, Hội SV tổ chức	20			
a. Lao động tình nguyện và hoạt động xã hội: 01 giờ = 1 điểm	15			Đoàn TN-HSV
b. Các hoạt động khác	5			Khoa, Viện
c. Không tham gia	0			
2. Các hoạt động VH-VN, thể thao, phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội của trường, khoa	5			Khoa, Viện
a. Tham gia thường xuyên	5			
b. Tham gia không thường xuyên	3			
c. Không tham gia	0			
IV. Tiêu chí 4: Đánh giá phẩm chất công dân và quan hệ cộng đồng	20			
1. Chấp hành chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước:	10			P.CT&CTSV
a. Chấp hành tốt				
b. Có vi phạm	0			
2. Thực hiện quy chế quản lý sinh viên nội, ngoại trú:	5			P.CT&CTSV
a. Thực hiện tốt				
b. Có vi phạm	0			
3. Quan hệ cộng đồng (đối với bạn bè, thầy cô, xã hội):	5			TT Lớp
a. Đúng mực				
b. Chưa đúng mực	0			
V. Tiêu chí 5: Ý thức và kết quả tham gia công tác lớp, Đoàn TN, Hội SV	10			CVHT & TT Lớp
1. Là thành viên trong BCS lớp, BCH Đoàn TN - Hội SV các cấp	5			
2. Hỗ trợ và tham gia tích cực vào các hoạt động chung của lớp, tập thể, khoa ...	5			
Tổng số điểm	100			

Ghi chú: 1. Sinh viên có thành tích giỏi trong học tập, đạt giải trong các cuộc thi quốc gia, quốc tế, NCKH được thưởng tối đa 10 điểm nhưng tổng điểm rèn luyện không quá 100 điểm.
2. Sinh viên tham gia các hoạt động tình nguyện, xã hội... được quy định trong Quy định tổ chức thực hiện các chương trình hoạt động xã hội và lao động tình nguyện cho sv hệ chính quy (ban hành kèm theo QĐ số 319/QĐ-ĐHKT-CT-CTSV ngày 08/9/2017).

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm 20.....

CÓ VẤN HỌC TẬP
(Ký, ghi rõ họ tên)

BAN CÁN SỰ LỚP
(Ký, ghi rõ họ tên)

SINH VIÊN
(Ký, ghi rõ họ tên)